

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM GIÀNG  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 13-5 -2024.

"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lưu Văn Quyết và bà Vũ Thị Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Mạnh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 28/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST- HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị H, sinh năm 1990 (có đơn xét xử vắng mặt).

ĐKHK: Khu LA, thị trấn CG, huyện CG, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: thôn KG, xã TT, huyện AD, thành phố Hải Phòng.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1990 (vắng mặt).

ĐKHK và cư trú: Khu LA, thị trấn CG, huyện CG, tỉnh Hải Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Giang (nay là UBND thị trấn Cẩm Giang), huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào ngày 24/01/2011 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới tại địa phương. Anh chị sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, tính cách, lối sống dẫn đến không tìm được tiếng nói chung anh chị thường xuyên xảy ra cãi nhau, không tôn trọng và quan tâm chia sẻ với nhau về công việc cũng như tình cảm. Bản thân anh H1 là người sống không có trách nhiệm với gia đình, không hỗ trợ cùng chị về mặt kinh tế để lo toan công việc gia đình, chăm sóc con chung mà phó mặc cho một mình chị lo toan gánh vác. Khi mâu thuẫn xảy ra anh chị cũng đã tìm mọi biện pháp tháo gỡ mâu thuẫn bỏ qua cho nhau để duy trì cuộc sống nhưng chỉ nói được vài câu lại xảy ra xích mích cãi nhau. Mâu thuẫn của anh chị cũng đã được hai bên gia đình động viên hòa giải hàn gắn nhưng không đem lại kết quả mà ngày càng trầm trọng. Cuộc sống không hạnh phúc nên tháng 10 năm 2019 chị đã chuyển ra ngoài thuê nhà chỗ khác để sống ly thân với anh H1 từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh chị không có biện pháp gì hàn gắn, không liên lạc với nhau. Nay, chị xác định không còn tình cảm, hôn nhân không hạnh phúc, cố níu kéo cũng chỉ làm thêm cả hai căng thẳng mệt mỏi, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Nguyễn Văn H1 được ly hôn.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Trung H2, sinh ngày 15/11/2011. Hiện nay con chung đang do ông Nguyễn Văn V (là bố đẻ anh H1) trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Văn H1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Bởi thực tế từ khi chị và anh H1 sống ly thân, mặc dù chị không trực tiếp chăm sóc con chung nhưng hàng tháng vẫn gửi tiền về cho ông Viên để chăm lo sinh hoạt hàng ngày, đóng học cho cháu Nguyễn Trung H2. Hiện nay chị làm công nhân tại công ty S Việt Nam - Khu công nghiệp AD, thành phố Hải Phòng thu nhập ổn định 19.000.000đồng/tháng. Sau khi có quyết định ly hôn chị và cháu H2 chuyển về sinh sống tại nhà đất của bố mẹ chị. Nhà cửa rộng rãi đầy đủ tiện nghi sinh hoạt, đủ điều kiện để chăm sóc con chung được phát triển một cách tốt nhất. Con chung của chị đã lớn tự chăm sóc được bản thân.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần cho anh Nguyễn Văn H1 nhưng anh H1 đều không đến Tòa án làm việc. Tòa án cùng đại diện chính quyền địa phương đến nhà anh Nguyễn Văn H1 để tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng, đồng thời tiến hành lấy lời khai thì anh H1 đi làm không có nhà khóa cổng, khóa cửa nên không ghi được lời khai của anh. Tòa án đã tiến hành làm thủ tục niêm yết các văn bản cho anh H1 theo đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời Tòa án đến gia đình ông Nguyễn Văn V (là bố đẻ anh H1) có địa chỉ thôn BD, xã LD, huyện CG, tỉnh Hải Dương để tổng đạt trực tiếp các văn bản như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nguyễn Văn V nhận thay, ký vào biên bản giao nhận và cam đoan giao đến tận tay cho anh H1 nhưng anh H1 không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến bằng văn bản gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H. Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương cũng như lấy lời khai của người thân hai bên gia đình đều khẳng định: tại thời điểm giải quyết vụ án anh H1 vẫn có hộ khẩu thường trú, thường xuyên sinh sống tại Khu LA, thị trấn CG, huyện CG, tỉnh Hải Dương chưa làm thủ tục chuyển khẩu, cắt khẩu, đăng ký tạm vắng đi nơi khác.

*Tại biên bản lấy lời khai đại diện gia đình chị Hà trình bày:* Chị H và anh H1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Giang (nay là UBND thị trấn Cẩm Giang), huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào ngày 24/01/2011 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới tại địa phương. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể nào thì gia đình tôi không biết, vì ở khác tỉnh. Chị H về nhà chơi có tâm sự anh chị không còn tình cảm dành cho nhau, bất đồng quan điểm, có lối sống trái ngược nhau dẫn đến không tìm được tiếng nói chung. Anh H1 không chịu khó đi làm để cùng chị gây dựng kinh tế, không quan tâm chăm sóc con chung mà mãi chơi. Gia đình cũng chỉ biết động viên chị vì con nên suy nghĩ lại nhưng tình cảm của anh chị không hàn gắn được. Anh chị sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Nay chị H làm đơn ly hôn với anh H1, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn, bởi vì cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không có, không còn tình cảm dành cho nhau. Về con chung: Anh chị có một con chung là Nguyễn Trung H2, sinh ngày 15/11/2011, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị

H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên. Về tài sản chung và công sức: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai đại diện gia đình anh H1 trình bày:* Anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh H1 sống không có trách nhiệm đến gia đình, không chịu đi làm, chơi bời dẫn đến nợ lẩn, hay chửi bới vợ con, trong thời gian anh chị chung sống cùng nhau thì anh H1 không hỗ trợ cùng chị H về mặt kinh tế, không chăm sóc con chung. Mỗi khi xảy ra mâu thuẫn chị H sang nhà tâm sự với gia đình tôi là anh chị không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa, bởi vì không tìm được tiếng nói chung. Khi biết được mâu thuẫn gia đình cũng chỉ biết hàn gắn động viên. Nay chị H làm đơn ly hôn với anh H1, tôi nhận thấy vợ chồng anh chị khó có thể chung sống cùng nhau được nên đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị H. Về con chung: Anh chị có một con chung là Nguyễn Trung H2, sinh ngày 15/11/2011, sau khi anh chị sống ly thân thì con chung của anh chị sinh sống học tập cùng với gia đình tôi. Chị H vẫn thường xuyên liên lạc và hàng tháng vẫn gửi tiền về cho gia đình tôi để chăm lo cho cháu H2. Anh H1 và chị H ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung đến khi thành niên, đồng thời cũng thể hiện đúng nguyện vọng của con chung được sinh sống cùng với chị H. Về tài sản chung và công sức: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Trung H2 trình bày:* Trong cuộc sống bố mẹ có xảy ra mâu thuẫn và thường xuyên cãi nhau. Hiện tại bố mẹ không sống cùng nhau mà sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm với nhau. Hiện nay bố cháu làm gì cháu không biết, không quan tâm đến cháu. Mọi chi phí sinh hoạt, đóng góp các khoản đối với nhà trường đều do mẹ cháu gửi tiền về cho ông nội đóng. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng muốn được sinh sống cùng với mẹ, bởi vì mẹ cháu vẫn thường xuyên liên lạc, quan tâm thăm nom cháu.

Công văn trả lời số 5385/QLXNC - P3 ngày 18/3/2024 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an trả lời: Theo thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh trường hợp Nguyễn Văn H1, sinh ngày 09/02/1990, có số căn cước công dân 030090004354 cấp ngày 26/01/2022, địa chỉ Khu LA, thị trấn CG, huyện CG, tỉnh Hải Dương nhập cảnh ngày 31/01/2024 qua Cửa khẩu Cầu Treo.

*Tòa án tiến hành xác minh tại Công an thị trấn Cẩm Giang và UBND thị trấn Cẩm Giang thể hiện:* Anh chị đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Giang (nay là UBND thị trấn Cẩm Giang), huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào ngày 24/01/2011. Việc mâu thuẫn của anh chị như thế nào địa phương không nắm được. Qua theo dõi thực tế tại địa phương anh chị sống ly thân với nhau mỗi người một nơi. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật làm sao đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

**Tại phiên tòa**, Nguyên đơn chị Bùi Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và giải quyết về con chung. Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ “phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án” vi phạm khoản 16 theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Trung H2, sinh ngày 15/11/2011 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi thành niên, chị H tự nguyện không yêu cầu anh H1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện của chị Bùi Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đồng thời giải quyết về con chung của vợ chồng khi ly hôn. Xác định đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 có hộ khẩu thường trú và cư trú tại Khu LA, thị trấn CG, huyện CG, tỉnh Hải Dương; căn cứ khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Bùi Thị H đã có lời khai trình bày quan điểm giải quyết vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành các biện pháp để thu thập chứng cứ: Triệu tập hợp lệ anh H1, tổng đạt trực tiếp các văn bản cho ông Nguyễn Văn V (là bố đẻ anh H1) nhận thay. Ngoài ra còn làm thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh H1 đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Giang (nay là UBND thị trấn Cẩm Giang), huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào ngày 24/01/2011 đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách, lối sống dẫn đến không có tiếng nói chung thường xuyên cãi nhau, không quan tâm chia sẻ với nhau từ công việc đến tình cảm làm cho cuộc sống trở lên căng thẳng mệt mỏi. Khi nảy sinh mâu thuẫn anh chị không tìm cách hàn gắn, tháo gỡ mà sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau. Lời trình bày về mâu thuẫn vợ chồng của chị phù hợp với lời trình bày của hai bên gia đình. Tòa án đã nhiều lần triệu tập báo gọi anh H1 có mặt tại Tòa án để viết bản tự khai trình bày quan điểm của mình, lấy lời khai và tiến hành hòa giải nhưng anh H1 đều vắng mặt, điều đó khẳng định anh H1 không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì “...vợ chồng phải có nghĩa vụ thương

*yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau ...”.* Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian sống ly thân đã lâu nên yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

[2.2]. Về con chung: Anh chị có một con chung là Nguyễn Trung H2, sinh ngày 15/11/2011. Xét điều kiện thực tế việc chăm lo cho con chung từ khi chị H chuyển ra thuê nhà khác để sống ly thân với anh H1 đến nay thì con chung đều do ông Nguyễn Văn V (là bố đẻ anh H1) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Mặc dù chị H không sinh sống cùng với con chung nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với cháu H2 để động viên tình hình học tập, hàng tháng vẫn gửi tiền về cho gia đình ông Viên để ông Viên chăm lo cho cháu H2 thay chị. Hiện tại chị có công việc, thu nhập ổn định, có thời gian chăm lo cho con chung. Hơn nữa con chung của chị và anh H1 có nguyện vọng được sinh sống cùng với chị. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Nguyễn Trung H2 cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung và công sức: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Nguyên đơn chị Bùi Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn giao con chung là Nguyễn Trung H2, sinh ngày 15/11/2011 cho chị Bùi Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Văn H1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.*

3. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0000079 ngày 21/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng. Chị Bùi Thị H đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Cẩm Giàng;*
- *Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;*
- *UBND thị trấn Cẩm Giàng (để ghi vào sổ hộ tịch);*
- *Lưu Hồ sơ; Lưu Văn phòng.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Vân Hà**